

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2022

V/v “Yêu cầu xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Đặng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Bình K - sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn S 1, xã Q, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn S 1, xã Q, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Bình K tại phiên tòa như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị S có thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi ông và bà S về sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc thời gian đầu, sau đó cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vì con nên ông đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khoảng 5-6 năm trở lại đây, vợ chồng ông liên tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa ông và bà S luôn bất đồng trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, bà S can thiệp mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của ông, sống chung với bà S ông không có tự do, đầu óc ông luôn bị căng thẳng. Vì vậy ông đã ra sống riêng 04 năm nay, giữa ông và

bà S không ai còn phụ thuộc ai, tự lập về kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ những nguyên nhân trên, ông nhận thấy cuộc sống chung giữa ông và bà S không có hạnh phúc, do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà S, để ông sớm ổn định cuộc sống, an tâm an dưỡng tuổi già.

- Về con chung: Ông và bà S có 01 con chung tên Nguyễn Thị H – sinh năm 1983, hiện nay đã lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị S để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị S cố tình trốn tránh, từ chối nhận giấy triệu tập, các thông báo, quyết định của Tòa án, bà S không đến Tòa để làm việc.

*** *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về niêm yết, tổng đạt đối với bị đơn. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình K, ông K được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Bình K thuộc trường hợp đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí HNGĐST. Ông Nguyễn Bình K được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Xuân vào ngày 06/10/2021 theo biên lai số 0000523

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Bình K có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Ông Nguyễn Bình K và bà Nguyễn Thị S cùng có địa chỉ tại thôn S 1, xã Q, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bình K và bà Nguyễn Thị S tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 1982 nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#) (Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”; tuy nhiên tại điểm a, mục 3 [Nghị quyết số 35/2000/QH](#) ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành [Luật hôn nhân và gia đình năm 2000](#) quy định như sau: “a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.” Tại mục 1 [Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP](#) ngày 03/01/2001 quy định: “...trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày [Luật hôn nhân và gia đình năm 1986](#) có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung”

Đến trước thời điểm ngày 03/01/1987 ông K và bà S có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có con chung được địa phương xác nhận là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Do đó, việc ông K và bà S tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó thì có phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng ông K đã hàn gắn được. Cho đến cách đây khoảng 5-6 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng Nguyên nhân là do giữa ông K và bà S luôn bất đồng trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, bà S can thiệp mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống của ông K, sống chung với bà S ông K luôn bị căng thẳng, không thoải mái tinh thần. Vì vậy ông K đã đã ra sống riêng đã 04 năm nay, giữa ông K và bà S không ai còn phụ thuộc ai, tự lập về kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, có cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông K và bà S không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên ông K yêu cầu xin ly hôn với bà S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K.

[3]. Về con chung: Ông K và bà S có 01 con chung tên Nguyễn Thị H – sinh năm 1983 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Bình K thuộc trường hợp đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí HNGĐST. Ông Nguyễn Bình K được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Xuân vào ngày 06/10/2021 theo biên lai số 0000523.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS, điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình K.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bình K được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

[2]. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Nguyễn Bình K thuộc trường hợp đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí HNGĐST. Ông Nguyễn Bình K được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí HNGĐ sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đồng Xuân vào ngày 06/10/2021 theo biên lai số 0000523.

[3]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã Q;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Long